

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 24-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Như

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Bùi Văn Huynh;

+ Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1999, nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thê T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Xóm S, thôn M, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-2-2022 và quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và Nguyễn Thế T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17-02-2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, dù đã được gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không thể hàn gắn, từ tháng 9 năm 2021 chị và anh T không còn sống chung cùng nhau. Nay, chị thấy hôn nhân giữa chị và anh T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

- *Về con chung:* Chị và anh Nguyễn Thế T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18-12-2019. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được nuôi con, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay con đang ở cùng với anh T và qua liên lạc anh T muốn được nuôi con nên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 triệu đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

*Bị đơn anh Nguyễn Thế T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, anh T ký nhận văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 68, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D. Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Thế T. Giao cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18-12-2019 cho anh T trực tiếp nuôi; ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Thùy D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có, nên không đề cập đến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D và anh Nguyễn Thế T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 17 tháng 02 năm 2020 theo trích lục kết hôn số 48/TLKH-BS ngày 22-02-2022 của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Quảng Ngãi, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thùy D và anh Nguyễn Thế T là hợp pháp.

Chị Lê Thị Thùy D trình bày quá trình chung sống giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, đã được gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng từ tháng 9 năm 2021 chị và anh Nguyễn Thế T không cùng sống chung với nhau. Anh Nguyễn Thế T nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D và cho chị D ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18-12-2019. Hiện nay cháu A đang sinh sống với anh T. Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu A cho anh T nuôi và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Đồng thời kết quả xác minh tại biên bản xác minh ngày 05/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Quảng Ngãi có nội dung: “Về điều kiện nuôi con: Theo thông tin địa phương được biết chị D hiện nay không có mặt tại địa phương, cháu Nguyễn Hoài A hiện đang được anh T và gia đình anh T nuôi ở tại xóm S, thôn M, xã T, thành phố Quảng Ngãi, hiện điều kiện nuôi con của anh T và gia đình anh T là bình thường”. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu Nguyễn Hoài A cho anh T trực tiếp nuôi.

Quá trình giải quyết vụ án anh T không có bản trình bày ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc chị D là người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của chị D và việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị D phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 81, khoản 2

Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận sự tự nguyện của chị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2022 cho đến cháu A đủ 18 tuổi.

**[2.3]** Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3]** Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp. Chị D còn phải nộp 300.000 đồng.

**[4]** Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy D

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Thế T

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18-12-2019 cho anh Nguyễn Thế T trực tiếp nuôi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Thùy D về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18-12-2019 mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001985 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Chị D còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Châu, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Như**

